



Hội thảo Quốc tế tại Hội An  
-10 năm là Di sản văn hóa thế giới-

## Chiến lược phát triển du lịch khu vực miền Trung

16 tháng 8 năm 2009  
Thành phố Hội An

Trưởng đoàn Nghiên cứu DaCRISS - JICA  
Tiến sĩ Shizuo IWATA



### Nội dung

- Sơ lược về DaCRISS
- Chiến lược phát triển bền vững khu vực miền Trung
- Đánh giá sơ lược về ngành du lịch
- Các chiến lược đề xuất
- Kết luận

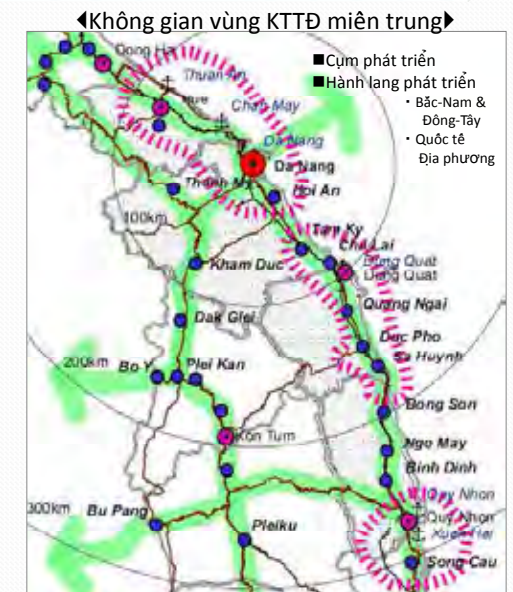
### DaCRISS (Nghiên cứu phát triển liên kết thành phố Đà Nẵng và vùng phụ cận)

- Hỗ trợ kỹ thuật của JICA (Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản)
- Mục tiêu
  - Xây dựng các chiến lược phát triển liên kết cho Thành phố Đà Nẵng và các tỉnh trong vùng (Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định)
  - Lập quy hoạch tổng thể phát triển đô thị cho Thành phố Đà Nẵng tới năm 2025
- Tiến độ hiện tại
  - Nghiên cứu được triển khai từ tháng 6 năm 2008.
  - Các chiến lược phát triển đề xuất đã được thảo luận trong các hội thảo với các tỉnh và trong các cuộc họp Ban chỉ đạo.
  - Đang lập dự thảo Quy hoạch Tổng thể cho thành phố Đà Nẵng

3

### Chiến lược phát triển bền vững cho vùng

- Hạn chế
  - Thị trường nhỏ (dân số 6 triệu người)
  - Hay bị thiên tai
  - Xa các trung tâm tăng trưởng
- Cơ hội
  - Nhiều nguồn lực tự nhiên và văn hóa
  - Vị trí chiến lược ở Việt Nam và vùng GMS
  - Có tiềm năng về thu hút nguồn nhân lực
- Chiến lược tăng trưởng
  - Kết nối trực tiếp với thế giới
  - Du lịch, môi trường phát triển nguồn nhân lực là các ngành mũi nhọn
  - Gắn kết vùng (phối hợp giữa các tỉnh trong vùng và gắn kết trong nội tỉnh)



4

## ■ Du lịch có góp phần vào phát triển bền vững?

### ■ Bền vững về kinh tế

- Đóng góp cho kinh tế địa phương?
- Tăng việc làm?
- Kết nối với các ngành nghề địa phương?

### ■ Bền vững về xã hội

- Tránh được xung đột với cộng đồng?
- Không tăng tội phạm xã hội?
- Phân bổ đều lợi ích?

### ■ Bền vững về môi trường

- Không gây tổn hại hệ sinh thái?
- Không giảm giá trị truyền thống/văn hóa?
- Không tăng ô nhiễm?

### ■ Bền vững về khai thác và quản lý

- Đảm bảo được tính khả thi kinh tế của ngành du lịch?
- Đảm bảo được tính khả thi tài chính của ngành du lịch?
- Có đủ cơ chế và năng lực quản lý?
- Có thống nhất giữa các bên liên quan?
- Có cam kết của chính phủ?

➔ Cần đánh giá lại một cách toàn diện ngành du lịch để xác định các cơ sở vững chắc cho các chiến lược và quy hoạch phát triển du lịch bền vững

5

## ■ Đánh giá sơ lược về ngành du lịch

### ■ Điểm mạnh

- 3 di sản văn hóa thế giới và 1 khu di sản thiên nhiên thế giới
- Giàu tiềm năng môi trường tự nhiên (biển, núi, sinh thái, cảnh quan)
- Làng nghề truyền thống

### ■ Cơ hội

- Nhu cầu du lịch ngày càng tăng
- Tăng đầu tư nhà nước và tư nhân
- Vị trí chiến lược ở Việt Nam và Châu Á

### ■ Điểm yếu

- Hạn chế về kết cấu hạ tầng cũng như kết nối quốc tế và nội vùng
- Chất lượng nguồn nhân lực hiện còn thấp, năng lực quản lý dịch vụ kém
- Thiếu kỹ năng và chiến lược khuyến khích phát triển

### ■ Rủi ro

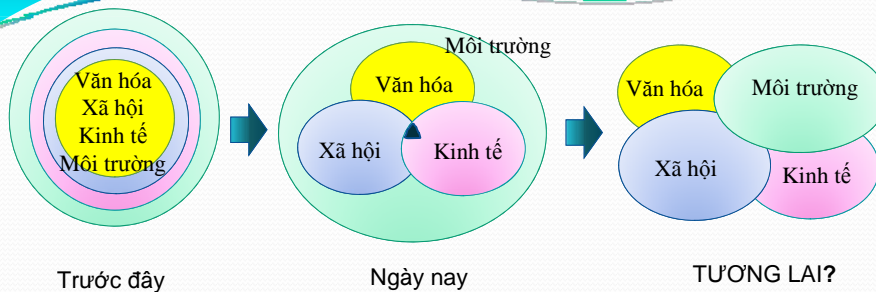
- Nhiều thiên tai
- Suy thoái môi trường
- Phát triển tự phát

➔

- Tương lai chưa chắc chắn
- Cần xây dựng chiến lược phát triển bền vững

6

## ■ Mô hình phát triển du lịch bền vững cho vùng



- Xác định “giá trị cốt lõi”
- Chia sẻ nhận thức về “giá trị cốt lõi”
- Xây dựng cơ chế bảo tồn và phát triển
- Khai thác và quản lý hiệu quả
- Giám sát

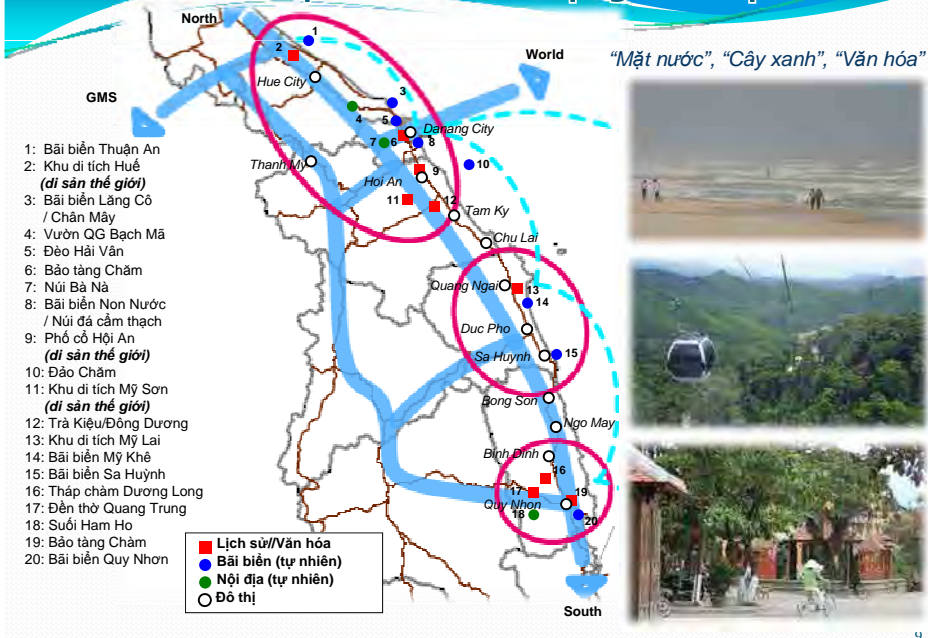
7

## ■ Các chiến lược đề xuất (1)

- **Hấp dẫn:** Xác định các nguồn lực/sản phẩm du lịch mục tiêu
  - Các điểm di sản văn hóa/thiên nhiên thế giới
  - Làng nghề truyền thống
  - Hệ sinh thái
  - Khu nghỉ dưỡng (biển, đất liền)
- **An toàn và Tiện lợi:** Tăng cường dịch vụ cơ sở hạ tầng tại điểm du lịch
  - Điện, nước, viễn thông
  - **Điều kiện vệ sinh** (thoát nước, rác thải)
  - Khai thác, bảo trì, quản lý
- **Khả năng tiếp cận:** Kết nối điểm du lịch bằng hệ thống giao thông vận tải phù hợp
  - **Kết nối quốc tế trực tiếp** (hàng không, trên bộ, đường biển)
  - Nét nối với Hà Nội/TPHCM (đường bộ cao tốc, đường sắt cao tốc, hàng không)
  - **Kết nối các điểm trong vùng** (khu di sản thế giới, mạng lưới du lịch, giao thông nông thôn)

8

## ▣ Các điểm du lịch chính và mạng lưới vận tải



## ▣ Các chiến lược đề xuất (2)

- Xúc tiến
  - Môi trường đầu tư hấp dẫn
  - Phối hợp bán hàng và tiếp thị
  - Phát triển sản phẩm mới
- Phát triển sản phẩm mới
  - MICE (gặp gỡ, xúc tiến, hội nghị, triển lãm)
  - Các môn thể thao/hoạt động trên biển
  - Các công trình vui chơi, giải trí
  - Các khu nhà nghỉ cuối tuần, làng hưu trí
- Quản lý ngành
  - Phối hợp giữa các tỉnh
  - Cấp vốn, thu phí người sử dụng, thuế đặc biệt
  - Tăng cường năng lực
  - Khả năng vận chuyển
  - Quy hoạch phát triển đô thị toàn diện cho Huế và Hội An

## ▣ Chia sẻ vai trò trong phát triển du lịch

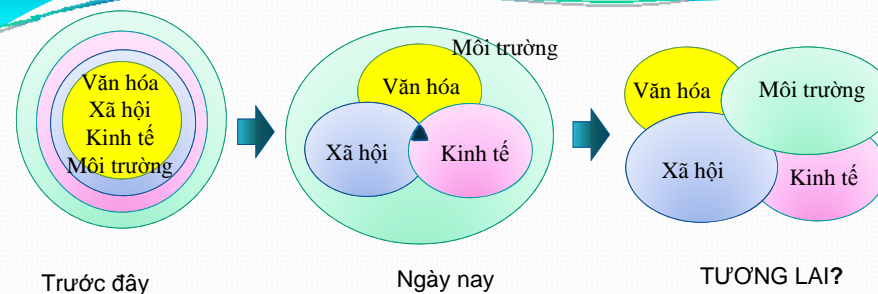
Ban phối hợp phát triển du lịch liên tỉnh (dự kiến)

Loại hình	Thị trường		Tỉnh				
	Quốc tế	Nội địa	Huế	Đà Nẵng	Quảng Nam	Quảng Ngãi	Bình Định
MICE	A	A	○	⊙	○	△	△
Sinh thái	B	A	○	○	⊙	○	○
Bãi biển	A	A	○	○	○	○	○
Văn hóa	A	A	⊙	△	○	○	○
Công nghiệp	B	A	△	○	△	⊙	△

A: Khả năng cạnh tranh cao, B: khả năng cạnh tranh trung bình

⊙: Vai trò cấp vùng, ○: Vai trò chính yếu, △: Vai trò thứ yếu

## ▣ Kết luận



- Gắn kết các giá trị văn hóa, xã hội, kinh tế và môi trường là yếu tố trọng tâm; không tạo ra sự cách biệt văn hóa.
- Các tỉnh thành phối hợp phát triển để nâng cao tính cạnh tranh và bền vững cho ngành du lịch trong khu vực miền Trung



*Cám ơn quý vị đã chú ý lắng nghe*



## DaCRISS

### Hội thảo/Tập huấn về STRADA

Định hướng

A: Quy hoạch giao thông và STRADA

B: Quy trình kỹ thuật của STRADA

24 /03/ 2010

Thành phố Đà Nẵng

Đoàn nghiên cứu JICA

### Mục tiêu của buổi hội thảo/tập huấn

- Tìm hiểu về chức năng của STRADA trong quy hoạch giao thông đô thị
- Thực hiện từng bước quy trình kỹ thuật của STRADA
- Thảo luận các bước tiếp theo phổ biến sâu rộng kiến thức và các kỹ năng

2

### Chương trình

- Ngày 1 (24/03) Định hướng  
A. Quy hoạch giao thông và STRADA  
B. Quy trình kỹ thuật của STRADA
- Ngày 2 (25/03) C. Cài đặt STRADA và cơ sở dữ liệu DaCRISS  
D. Thể hiện và phân tích kết quả với “Highway Reporter”  
E. Thực hiện ma trận  
F. Thực hiện (1)
- Ngày 3 (26/03) G. Thực hiện (2)  
Thảo luận và tổng kết

A. QUY HOẠCH GIAO THÔNG VÀ STRADA

3

A1-139

4

## ■ Các ứng dụng STRADA

- Quy hoạch/phân tích mạng lưới đường
- Đánh giá dự án đường (đường bộ, cầu, cầu vượt...)
- Phân tích nút giao
- Phân tích quản lý nhu cầu
- Phân tích tuyến VTHKCC
- ...

5

## ■ Quy trình lập quy hoạch mạng lưới đường

Bước 1: Lập quy hoạch mạng lưới đường (dựa vào quy hoạch đô thị)

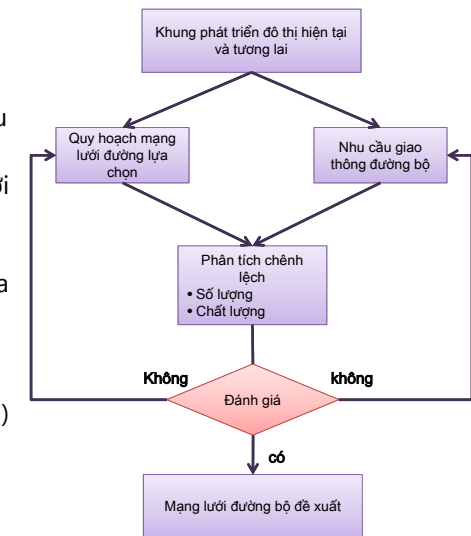
Bước 2: Xây dựng dữ liệu về nhu cầu (ma trận điểm đi điểm đến)

Bước 3: Phân tích năng lực mạng lưới đường để xác định chênh lệch cung - cầu

Bước 4: Xây dựng các phương án lựa chọn về mạng lưới đường và các kế hoạch cải thiện nâng cấp

Bước 5: Lập lại bước 3 (các phản hồi)

Bước 6: Lựa chọn phương án tối ưu



6

## ■ Khảo sát chuyến đi cá nhân

- "Chuyến đi cá nhân" chỉ sự di chuyển của một cá nhân
- Khảo sát chuyến đi cá nhân để thu thập toàn bộ các chuyến đi lại trong 1 ngày bằng cách khảo sát "đối tượng" thực hiện chuyến đi, "khi nào", "nhằm mục đích gì", "từ đâu", "đến đâu", và "bằng phương thức giao thông nào"

7

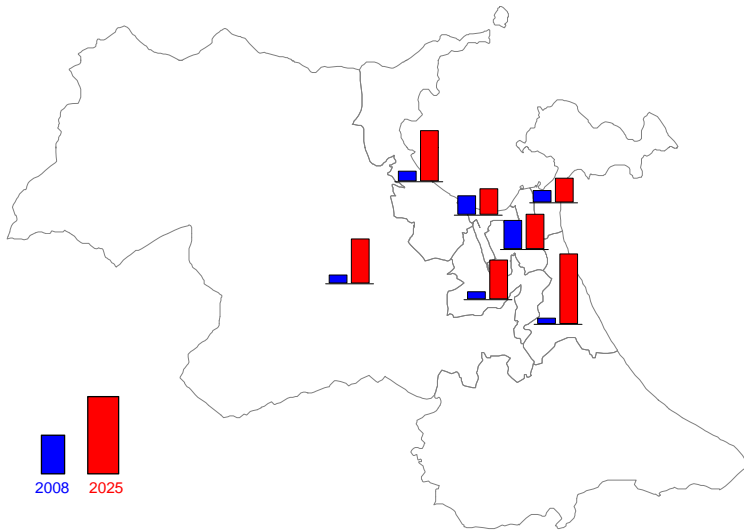
## ■ Dự báo nhu cầu giao thông

### ■ Nhu cầu tương lai (2008-2025)

- Tổng nhu cầu hàng ngày:  
2.284 (000) chuyến/ngày -> 6.666 (000) chuyến/ngày \*2,92  
(gồm cả 745 (000) chuyến đi bộ)  
413 (000) đơn vị ô tô khách (PCU)/ngày -> 1241 (000) PCU/ngày \*2,93
- Chiều dài chuyến đi trung bình:  
4,59 km -> 8,53 km \*1,86  
Cường độ lưu thông (PCU-km):  $2,93 * 1,86 = 5,45$   
Tỉ lệ loại phương tiện tham gia giao thông giả định: xe buýt 35%, ô tô 15%, Xe máy 50%, và  
Tải trọng trung bình: xe buýt 15, ô tô 2.0, xe máy 1.3

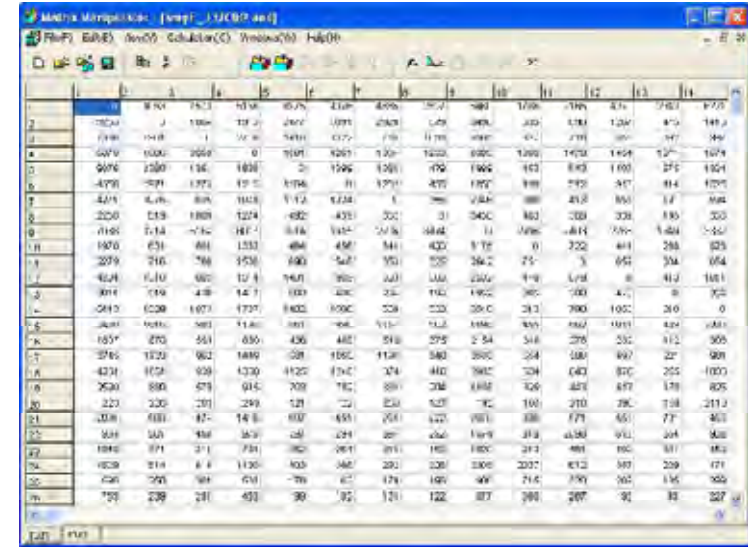
8

## Phát sinh và thu hút chuyển đi (2008 và 2025)



9

## Phân bố chuyển đi (ma trận điểm đi điểm đến)



10

## Tác động của mạng lưới “không tác động”/”thực hiện quy hoạch

Tỉ lệ ùn tắc giao thông (lưu lượng/năng lực)



2008

2025 không tác động

2025 thực hiện quy hoạch

11

## Phân tích mạng lưới “không tác động”

	2008	2025	2025/ 08	
Nhu cầu giao thông (000 PCU)	424	1,241	2.9	
Cường độ lưu thông	PCU-km (000)	2,594.4	11,172.2	4.3
	PCU-giờ (000)	59.1	473.1	8.0
Đặc điểm giao thông	Vận tốc đi lại trung bình (km/h)	43.9	23.6	0.5
	Tỉ lệ lưu lượng/năng lực trung bình	0.18	0.69	3.7
Chi phí giao thông (000 US\$)	Chi phí vận hành phương tiện	284.6	1,920.9	6.8
	Chi phí thời gian	359.6	6,307.1	17.5
	Tổng	644.2	8,228.0	12.8

A1-141

12